

**BẢN TIN**

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH**

Lưu vực sông Lũy, sông La Ngà và vùng phụ cận thuộc tỉnh Bình Thuận  
**(Tuần từ 1/6 đến 8/6/2018)**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1.1. Lượng mưa**

STT	Trạm	Lượng mưa trong tuần	Lượng mưa cộng dồn từ đầu năm 2018 (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%) (So sánh với cột (4))			Dự báo tình hình mưa trong tuần tới
				TB nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Phan Thiết	16	51,1	-74%	-80%	-23%	51
2	Sông Lũy	-	27	-86%	-84%	-97%	57
3	Hàm Tân	11	80,4	-67%	-50%	-60%	63
4	Tà Pao	-	165	-54%	-55%	-10%	79
	<b>Trung bình</b>	<b>7</b>	<b>323,5</b>	<b>-71%</b>	<b>-67%</b>	<b>-47%</b>	<b>62</b>

**Nhận xét:** Tuần qua, tỉnh Bình Thuận có mưa nhỏ rải rác, tại trạm Phan Thiết lượng mưa đo được là 16 mm và Hàm Tân là 11 mm. Lượng mưa lũy tích từ đầu năm đến nay tại các trạm vẫn ở mức thấp hơn nhiều so với TBNN và một số năm gần đây.

Dự báo tuần tới, toàn tỉnh có mưa vừa trên diện rộng với lượng mưa từ 50 đến 80 mm, nền nhiệt độ ở mức từ 26<sup>0</sup>C đến 33<sup>0</sup>C.

**1.2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện**

**a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi**

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ dung tích trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%) (Chênh lệch cột (3) so với các năm)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
			TBNN	2016	2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Sông Quao	80,00	26%	-8%	-4%	+2%	Tăng	55%
2. Lòng Sông	37,16	32%	-14%	+4%	+11%	Tăng	53%
<b>3. Sông Móng</b>	<b>37,16</b>	<b>7%</b>	<b>-10%</b>	<b>0%</b>	<b>+1%</b>	<b>Tăng</b>	<b>43%</b>
4. Cà Giây	36,92	70%	+6%	+30%	+24%	Tăng	53%
5. Phan Dũng	13,64	39%	+5%	+15%	+15%	Tăng	73%
6. Suối Đá	9,13	32%	-13%	+8%	-17%	Tăng	41%
7. Đá Bạc	8,90	10%	-13%	-1%	+3%	Tăng	17%
8. Núi Đất	8,47	27%	+8%	+21%	+15%	Tăng	47%

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ dung tích trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%) (Chênh lệch cột (3) so với các năm)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
			TBNN	2016	2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
9. Ba Bàu	6,94	54%	-17%	+6%	-16%	Tăng	100%
10. Trà Tân	3,90	16%	-31%	-73%	-7%	Tăng	100%
11. Đu Đủ	3,66	50%	-1%	+15%	+27%	Tăng	88%
<b>12. Sông Phan</b>	<b>2,17</b>	<b>3%</b>	<b>-16%</b>	<b>-12%</b>	<b>-8%</b>	<b>Tăng</b>	<b>100%</b>
13. Sông Khán	2,01	28%	-12%	-4%	+6%	Tăng	79%
14. Cẩm Hàng	1,18	47%	-22%	-30%	-8%	Tăng	100%
15. Tân Lập	1,07	97%	+14%	+1%	+47%	Tăng	100%
<b>16. Tà Mon</b>	<b>0,66</b>	<b>3%</b>	<b>-24%</b>	<b>-20%</b>	<b>-1%</b>	<b>Tăng</b>	<b>100%</b>
17. Sông Dinh 3	58,13	33%	+1%	+33%	+33%	Tăng	70%
18. Đaguyri	1,70	28%	-12%	-4%	+6%	Tăng	100%
19. Cà Giang	0,99	28%	-12%	-4%	+6%	Tăng	43%
20. Saloun	0,96	28%	-12%	-4%	+6%	Tăng	47%
<b>Tổng cộng</b>	<b>314,75</b>	<b>32%</b>	<b>-6%</b>	<b>+10%</b>	<b>+11%</b>	<b>Tăng</b>	<b>58%</b>

Ghi chú: Bôi đỏ là hồ hiện nay đang cạn nước

**Nhận xét:** Hiện tại tổng dung tích các hồ chứa trong vùng là 100,4 triệu m<sup>3</sup>, giảm khoảng 4 triệu m<sup>3</sup> so với tuần trước, trong đó dung tích hữu ích là 58,5 triệu m<sup>3</sup>, trung bình đạt 32% tổng dung tích thiết kế. Dung tích trữ trung bình tại các hồ thấp hơn 6% so với TBNN; cao hơn 10% so với năm 2016 và 11% so với năm 2015.

Hồ Sông Móng do trong tuần qua đã xả tiếp nước cho hồ Ba Bàu và Tân Lập nên hiện tại mực nước hồ đã nằm dưới mực nước chết.

Dự báo mùa mưa trong vùng bắt đầu vào đầu tháng 6, trong đó mưa nhiều tập trung vào tháng 6 đến tháng 8. Vì vậy xu thế các hồ sẽ tăng dung tích trữ vào thời gian này. Đến cuối vụ Hè Thu 2018, tổng dung tích trữ tại các hồ trong vùng trung bình đạt khoảng 58% DTTK.

**b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du**

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng nước đến hồ (m <sup>3</sup> /s)	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m <sup>3</sup> /s)
			TBNN	Năm 2016	Năm 2015		
Đại Ninh	251,73	40,92	-16%	+3%	-1%	5	22
Hàm Thuận	523,00	94,06	-10%	-6%	-2%	25	30
Đa Mi	11,60	2,30				30	32
<b>Trung bình</b>		<b>137,28</b>	<b>-11%</b>	<b>-3%</b>	<b>-1%</b>	<b>20</b>	<b>28</b>

**Nhận xét:** Hiện tại, tổng dung tích hữu ích của các hồ là 137,28 triệu m<sup>3</sup>, giảm 8,3 triệu m<sup>3</sup> so với tuần trước; trung bình đạt 17,5% DTTK; thấp hơn 11% so với cùng kỳ TBNN và ở mức tương đương so với cùng kỳ các năm 2015 và năm 2016.

Dự báo lưu lượng đến các hồ thủy điện trong tuần tới trung bình khoảng 20 m<sup>3</sup>/s. Hiện tại thủy điện Đại Ninh xả nước sang sông Lũy với lưu lượng trung bình khoảng 22 m<sup>3</sup>/s; thủy điện Đa Mi xả với lưu lượng khoảng 32 m<sup>3</sup>/s.

## **II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC**

### **2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi**

- Tỉnh Bình Thuận có 20 công trình hồ chứa vừa và lớn (trong đó có các hệ thống kết nối gồm Lòng Sông – Đá Bạc; hệ thống kênh 812 - Châu Tá – Sông Quao; Kênh tiếp nước Phan Rí-Phan Thiết – Cà Giây; hệ thống hồ Sông Quao - Cẩm Hang và hệ thống tưới hồ Sông Móng, Ba Bàu, Đu Đủ, Tân Lập) được đưa vào tính toán cân bằng nước với tổng dung tích thiết kế các hồ là 314,8 triệu m<sup>3</sup>, trong đó tổng dung tích hữu ích là 272,8 triệu m<sup>3</sup>.

- Các hồ Tà Mon và Sông Phan do dung tích trữ thấp và đã cạn nước nên đã ngừng bố trí diện tích sản xuất vụ Hè Thu, hồ Cà Giang cắt giảm khoảng 20 ha lúa để ưu tiên cấp cho khoảng 172 ha Thanh Long của huyện Hàm Thuận Bắc. Các hồ còn lại căn cứ vào dự báo mưa trong vụ Hè Thu 2018 và nguồn nước hiện có, tính toán khả năng bố trí diện tích của các hồ chứa cho thấy các hồ có thể đủ khả năng đáp ứng được cho 26.720 ha, trong đó Thanh long khoảng 12.727 ha.

- Thực tế từ đầu tháng 5 đến nay trên địa bàn tỉnh phổ biến ít mưa, nhằm để tránh rủi ro thiệt hại về hạn hán có thể xảy ra, đề xuất giãn lịch sản xuất cho khoảng 5.354 ha diện tích sản xuất tại các hồ chứa đảm nhận. Ưu tiên bố trí nguồn nước tưới phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và cấp cho Thanh long.

- Diện tích chưa được bố trí sản xuất sẽ chờ mưa để bố trí tiếp trong thời gian tháng 6.

Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu 2018			Ghi chú
			Dung tích dự báo so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1. Hệ thống tưới hồ Sông Quao, Cẩm Hàng	26%	10.009	8%	Đủ nước 100%	10.009	Đủ nước
2. Lòng Sông	32%	2.796	38%	Đủ nước 100%	2.796	Đủ nước
3. Hệ thống tưới hồ Sông Móng, Ba Bàu, Đu Đù, Tân Lập	18%	4.715	20%	Đủ nước 100%	4.715	Đủ nước
4. Cà Giây	70%	5.935	47%	Đủ nước 100%	5.935	Đủ nước
5. Phan Dũng	39%	232	58%	Đủ nước 100%	232	Đủ nước
6. Suối Đá	32%	980	30%	Đủ nước 100%	980	Đủ nước
7. Đá Bạc	10%	256	9%	Đủ nước 100%	256	Đủ nước
8. Núi Đất	27%	736	28%	Đủ nước 100%	736	Đủ nước
9. Trà Tân	16%	148	100%	Đủ nước 100%	148	Đủ nước
<b>10. Sông Phan</b>	<b>3%</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>Không bố trí tưới</b>
11. Sông Khán	28%	150	42%	Đủ nước 100%	150	Đủ nước
<b>12. Tà Mon</b>	<b>3%</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>Không bố trí tưới</b>
13. Sông Dinh 3	33%	468	91%	Đủ nước 100%	468	Đủ nước
14. Đaguyri	28%	36	100%	Đủ nước 100%	36	Đủ nước
15. Cà Giang	28%	172	33%	Đủ nước 100%	172	Đủ nước
16. Saloun	28%	87	16%	Đủ nước 100%	87	Đủ nước
<b>Tổng cộng</b>	<b>32%</b>	<b>26.720</b>			<b>26.720</b>	

## 2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Bảng tổng hợp thông tin nguồn nước và nhu cầu nước vùng nằm ngoài công trình thủy lợi theo kịch bản kiến nghị tính toán.

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
1. Phan Thiết	Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam	146	+42%	-59%	-86%	Khả năng xảy ra hạn hán cục bộ
2. Sông Lũy	Tuy Phong, Bắc Bình	134	+225%	-60%	-90%	Khả năng xảy ra hạn hán cục bộ
3. Hàm Tân	Hàm Tân, La Gi	243	+94%	-52%	-81%	Khả năng xảy ra hạn hán cục bộ
4. Tà Pao	Tánh Linh, Đức Linh	353	+52%	-51%	-80%	Khả năng xảy ra hạn hán cục bộ
	<b>Trung bình</b>	<b>876</b>	<b>+103%</b>	<b>-56%</b>	<b>-84%</b>	<b>Khả năng xảy ra hạn hán cục bộ</b>

**Nhận xét:** Mưa lũy kế từ đầu năm 2018 đến hết tuần tới trung bình toàn vùng dự báo ở mức thấp hơn so với TBNN khoảng 56%, nguy cơ xảy ra hạn hán cục bộ tại tất cả các huyện trong tỉnh. Vì vậy cần có các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm đồng thời tích trữ nước mưa khi thời tiết trong vùng được dự báo có mưa trong tuần tới.

### 2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
26.720	13.993	12.727		952		Tăng	

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Nguồn nước hiện tại trong các công trình thủy lợi cộng với lượng mưa bổ sung được dự báo trong thời gian tới cơ bản đảm bảo cấp cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu 2018. Tuy nhiên các đơn vị quản lý vận hành hệ thống thủy lợi cần xây dựng và thực hiện các biện pháp điều tiết nước hợp lý, bảo đảm ưu tiên nguồn nước cung cấp cho cả vụ Hè Thu 2018.

- Nhìn chung, đối với những vùng tưới không sử dụng nước từ các công trình thủy lợi, tình hình hạn hán trong vụ Hè Thu 2018 có nguy cơ xảy ra cao nếu diễn biến thời tiết trong vùng tiếp tục không có mưa trong thời gian kéo dài.

- Nhằm giảm thiểu rủi ro hạn hán có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, cần thực hiện một số các giải pháp sau:

+ Tăng cường nạo vét kênh mương để dẫn nước, lắp đặt trạm bơm dã chiến, tổ chức bơm chuyển để tận dụng nguồn nước khi xảy ra thiếu nước, hạn hán; thực hiện các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho lúa và cây trồng cạn (uốt – khô xen kẽ, nông-lộ-phơi, phun mưa, nhỏ giọt,..v.v.);

+ Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến kiến thức trên các phương tiện thông tin đại chúng để truyền tải thông tin, nâng cao ý thức về phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn và tiết kiệm nước của các cấp chính quyền và người dân.

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 8/6/2018**